

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 18/5/2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thế Anh.

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Hòa và bà Phạm Thị Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 08/2022/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986; ĐKHKTT: xóm 10, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Hiện cư trú: Số 238, đường T, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh ( vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1983; ĐKHKTT và trú tại: xóm 10, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần 2 không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Về phía nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:**

Chị và anh Phạm Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2005 tại UBND xã V, huyện K, là quê của chị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh Đ ở xóm 10, xã K. Vợ chồng chung sống hòa thuận được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn nên chị và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2015.

Theo chị L nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Anh Đ ghen tuông vô cớ, chửi bới, đánh đập chị. Bản thân chị vì con cái nên chấp nhận tiếp tục chung sống, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Đến năm 2015, mâu thuẫn của chị và anh Đ nặng nề nên cả hai đã sống ly thân, từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống với nhau được nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ để ổn định cuộc sống

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng chị có 2 con chung là Phạm Thị Phương M, sinh ngày 29/6/2005 và Phạm Văn Quốc P, sinh ngày 21/4/2010 hiện đều đang ở với chị L. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị

Về tài sản: Chị L xác định vợ chồng chị không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do tình hình dịch bệnh và đi lại khó khăn nên chị xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án

**Về phía bị đơn anh Phạm Văn Đ trong biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/3/2022 trình bày:**

Về thời gian, điều kiện kết hôn anh nhất trí như chị L đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh ở xóm 10, xã K một thời gian rồi cả hai đi làm ăn xa, thường xuyên đi về. Cuộc sống hạnh phúc đến khoảng 7, 8 năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống, không tìm được tiếng nói chung. Do vậy anh và chị L đã sống ly thân được khoảng 2, 3 năm. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không gặp gỡ, trao đổi hòa giải gì. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh thì anh xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã lâu, việc quay về chung sống với nhau là khó nhưng anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì anh là người theo đạo Thiên chúa, anh cũng không quan tâm đến việc chị L làm thủ tục ly hôn với anh

Về con chung: Anh Đ cũng xác định vợ chồng có 2 con chung là Phạm Thị Phương M, sinh ngày 29/6/2005 và Phạm Văn Quốc P, sinh ngày 21/4/2010 như chị L đã nêu và hiện đang ở với chị L. Khi ly hôn, anh để chị L tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và anh không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay chị L và các con đang được trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản chung của vợ chồng

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Con chung của vợ chồng là Phạm Thị Phương M, sinh ngày 29/6/2005 và Phạm Văn Quốc P, sinh ngày 21/4/2010 đều thuộc trường hợp được Tòa án hỏi ý kiến khi bố mẹ ly hôn thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với chị L.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn Đ; giao chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục cả 2 con chung của vợ chồng là Phạm Thị Phương M, sinh ngày 29/6/2005 và Phạm Văn Quốc P, sinh ngày 21/4/2010. Anh Đ không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị L. Chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Phạm Văn Đ, cư trú tại xóm 10, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

Bị đơn anh Phạm Văn Đ đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt lần 2 không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2005 tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ. Sau khi kết hôn vợ chồng chỉ chung sống với nhau được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, lối sống, anh Đ ghen tuông, vô cớ chửi bới, đánh đập chị. Do mâu thuẫn nặng nề nên chị và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay

Về phía anh Đ, anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh chỉ do bất đồng quan điểm sống, lối sống, không tìm được tiếng nói chung và anh chị đã sống ly thân từ khoảng 2,3 trờ lại đây. Khi chị L có yêu cầu ly hôn, anh Đ không quan tâm đến việc này, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì anh là người theo đạo Thiên chúa, không được phép ly hôn, anh cũng không tham gia vào phiên hòa giải, xét xử tại Tòa án

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị L và anh Đ tại UBND xã K là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận do mâu thuẫn vợ chồng nên thời gian gần đây chị L, anh Đ không chung sống với nhau nữa, về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn thì địa phương không nắm rõ do anh Đ và chị L chưa hòa giải tại cơ sở.

Như vậy mặc dù hai bên trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là khác nhau nhưng cả chị L và anh Đ đều xác định vợ chồng không chung sống với nhau một thời gian dài và không thể quay về chung sống với nhau được nữa. Cả hai bên đều không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị L, anh Đ hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị L giải quyết ly hôn anh Đ là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Chị L và anh Đ đều xác nhận vợ chồng có 2 con chung là Phạm Thị Phương M, sinh ngày 29/6/2005 và Phạm Văn Quốc P, sinh

ngày 21/4/2010. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về phía anh Đ, anh xác định, các con chung đều đang ở với chị L nên khi ly hôn, anh để chị L tiếp tục nuôi các con và anh không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con do tài sản chung của vợ chồng hiện đang do chị L cùng các con quản lý, sử dụng

Các con chung của vợ chồng là Phạm Thị Phương M, sinh ngày 29/6/2005 và Phạm Văn Quốc P, sinh ngày 21/4/2010 khi được hỏi thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với chị L khi bố mẹ ly hôn

Thực tế từ khi sống ly thân, cả hai con chung ở với chị L, do chị L nuôi dưỡng. Để đảm bảo việc học tập, sinh hoạt của các con chung thì việc giao cả hai con cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.,

Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù đã được giải thích về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng chị L vẫn không yêu cầu anh Đ phải đóng góp tiền nuôi con vì hiện cuộc sống của các con đều được đảm bảo. Vì vậy việc giao cả hai con chung cho chị L nuôi dưỡng và anh Đ không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn Đ không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 buộc chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 , 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**1/ Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn Đ.**

**2/ Về con chung:** Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung của vợ chồng Phạm Thị Phương M, sinh ngày 29/6/2005 và Phạm Văn Quốc P, sinh ngày 21/4/2010. Anh Đ không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị L. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

**3/ Về án phí:** Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA4495 ngày 08/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Phạm Thế Anh**